NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN TRONG CANH TÁC NƯƠNG RẪY TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ CƯ DÂN VÙNG RẺO GIỮA MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH NGA

Khu vực miền núi phía Bắc (MNPB) gồm 11 tỉnh, đó là: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Lao Cai, Yên Bái, Bắc Thái, Sơn La, Hoà Bình và Quảng Ninh, có diện tích 93.500 km^2. Đây là khu vực núi rừng trùng điệp giầu có tài nguyên đất, rừng và tài nguyên khoáng sản.

Theo các nhà nghiên cứu về mặt môi trường, MNPB được phân ra 3 vùng và tương ứng với mỗi vùng thường có các cư dân sinh sống:

1. *Vùng cao*: Là địa bàn cư trú của dân tộc Hmông và phần lớn các tộc người thuộc nhóm Tạng - Miến.

2. *Vùng giữa*: Là địa bàn cư trú của phần lớn các tộc người thuộc nhóm Môn-Khơme và một số nhóm Dao.

3. *Vùng thấp*: Là địa bàn cư trú của phần lớn các tộc người thuộc nhóm Tày - Thái, Việt - Mường.

2. Tình hình cư dân MNPB

Dân số của khu vực MNPB là 7.057.22 người, chiếm 10,65% dân số Việt Nam. Theo tài liệu điều tra dân số năm 1989 khu vực MNPB có 31 dân tộc. Mặc dù đặc điểm phân bố cư dân vùng này là sự phân bố không đồng đều và tình trạng cư trú xen kẽ giữa các tộc người trong từng vùng lãnh thổ là rất phổ biến, nhưng nhìn toàn cục ta vẫn thấy sự phân theo 3 vùng địa lý (xem bảng), trong đó nổi bật là nhóm cư dân Môn - Khơme và một số nhóm Dao.

Vùng	Độ cao	Khu vực cư trú của các tộc người
Vùng cao (rẻo cao, đỉnh núi)	1000m	Hmông, Hà Nhì, La Chí, Lự, Phù Lá, La Hủ, Pà Thẻn, Lô Lô, Cống, Si La, Pu Péo
Vùng rẻo giữa (sườn núi)	500 - 800 m	Dao, Khơmú, Xinh Mun, Mảng, Kháng, Giáy, Lào, Thổ, La Ha
Vùng thấp (thung lũng, chân núi)	500 m	Kinh, Tày, Thái, Nùng, Sán-Chay, Sán Dìu, Hoa, Ngái

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu phương thức canh tác nương rẫy truyền thống ở vùng rẻo giữa (sườn núi) MNPB của người Dao và một số dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme.

I. CANH TÁC NƯƠNG RẪY TRUYỀN THỐNG

1. Đặc điểm môi trường vùng rẻo giữa - *Mối quan hệ qua lại giữa môi trường tự nhiên với tộc người*

Vùng rẻo giữa nằm ở độ cao 500 - 1000m, khí hậu lạnh về mùa đông, mùa hè mát mẻ, nhiệt độ trung bình 23 - 27^{0}C. Vùng giữa có nhiều đá vôi và núi đất, thực vật và động vật dồi dào, tài nguyên phong phú, rừng nhiệt đới ẩm ướt quanh năm. Một đặc điểm lớn về đất canh tác ở vùng rẻo giữa là những vùng đất trên sườn núi không có nước đọng lại và không có những mặt bằng lớn cho việc trồng trọt lúa nước. Đó là những khu rừng già, rừng ót, rừng tre nứa, do đó các cư dân sinh sống chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện thiên nhiên với hình thức canh tác trên nương rẫy, gắn liền với việc trồng lúa nương và các loại ngũ cốc khác. Họ đã khai thác có hiệu quả hệ đất Feralit hàm lượng mùn ở tầng canh tác cao, tạo ra độ phì của đất, thích hợp cho canh tác lúa, ngô và các loại hoa thảo trên nương đất dốc. Các cư dân ở đây chọn phương thức canh tác nương rẫy là hợp lý nhất. Không chỉ các tộc người thuộc nhóm Môn-Khơme và một số nhóm Dao ở MNPB đã chọn phương thức canh tác này mà hầu hết các tộc người Môn-Khơme Malayô Pôlinesian ở khu vực Thái Bình Dương đều chọn phương thức canh tác nương rẫy làm phương thức canh tác chủ yếu để sinh tồn.

Vùng MNPB có nhiều thuận lợi đối với việc phát triển kinh tế vùng này (1: 7 - 15 - 32). Trong thực tế những điều kiện tự nhiên của MNPB về khí hậu, đất đai cũng là những tiền đề cho đồng bào có thể thâm canh, tăng vụ, xen canh... Từ xa xưa các tộc người này còn duy trì kinh tế chiếm đoạt (hái lượm, săn bắt và đánh cá) như một vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế. Ngày nay kinh tế hái lượm đã mờ nhạt hơn và biến đổi theo từng dân tộc ở từng vùng lãnh thổ.

Loại hình làm nương rẫy này có tác dụng tích cực nhất định trong quá khứ. Cơ sở cho sự tồn tại đó là việc duy trì khá bền vững các phương pháp canh tác nương rẫy truyền thống, lấy việc trồng trọt cây lương thực là chính và tiến hành theo cách quảng canh lợi dụng độ phì tự nhiên của đất, với việc tiến hành các biện pháp lưu canh, luân canh, xen canh. Mặc dù còn thụ động trước thiên nhiên, song họ đã biết tận dụng khai thác thiên nhiên một cách hợp lý, tích cực tạo nên thế cân bằng để tồn tại và thích ứng với môi trường. Qua nhiều thập kỷ họ đã đúc kết được những kinh nghiệm dân gian liên quan đến sự phát triển của các cư dân khu vực và việc bảo vệ sự ổn định của môi trường sinh thái.

2. Nông lịch

Người dân Khơmú, cũng như một số nhóm Dao ở vùng này sống phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Song họ đã phần nào nắm được quy luật của thời tiết địa phương, qua kinh

nghiệm bản thân truyền từ đời cha ông để lại và đã có cách tính nông lịch riêng cho dân tộc mình để thích ứng với sinh hoạt nương rẫy.

Cách tính nông lịch này theo hệ thống âm lịch, nhưng lại sớm hơn âm lịch 2 tháng và muộn hơn cách tính của người Thái đến 4 tháng, các tháng trong một chu kỳ nông nghiệp gọi là 1 năm tức là một mùa rẫy. Nông lịch của người Khơmú hay của người Dao là cái khung thời gian để họ tiến hành canh tác nương rẫy. Trải qua một quá trình, nông lịch đã trở thành lịch sinh hoạt truyền thống của cả cộng đồng, góp phần ổn định chu kỳ sản xuất, đem lại lợi ích thiết thực cho năng suất mùa màng, nâng cao đời sống cho họ.

Để tính 1 mùa rẫy (1 năm) người Khơmú đã kết hợp tuần trăng với các hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên cứ lặp đi lặp lại mà họ đã quan sát trong cuộc sống, từ đó họ quy định công việc trong năm theo một nông lịch riêng của mình. GS Đặng Nghiêm Vạn (5: 47 - 48) đã mô tả nông lịch Khơmú như sau:

Tháng giêng:

- Nghỉ ngơi, làm vườn và gieo ngô tết, mỗi nhà 1 bát
- Ăn Tết, cúng ma nhà
- Làm nhà.

Tháng hai:

- Nghỉ ngơi, làm vườn
- Làm nhà
- Phát nương hay làm cỏ nương cũ.

Tháng ba:

- Bắt đầu thực sự làm nương
- Tìm nương, phát nương, đốt nương ngô.

Tháng tư:

- Tiếp tục làm nương ngô, gieo. Khi chim "Tà" kêu, nếu chưa gieo xong coi như bỏ, không được ăn
- Đốt nương, dọn nương lúa sớm.

Tháng năm:

- Tiếp tục đốt nương lúa, gieo lúa sớm
- Bắt đầu trồng cây đủ ăn.

Tháng sáu:

- Hoàn thành việc gieo trồng lúa, trồng cây ăn củ
- Làm cỏ lúa sớm và ngô

(Hai tháng năm và sáu là những tháng bận nhất).

Tháng bảy và tháng tám:

- Làm cỏ lúa mùa, thu ngô sớm, trồng đậu.

Tháng tám:

- Làm ruộng nước, cho nước vào ruộng cày, bừa

Tháng chín:

- Thu lúa sớm

- Tuốt lúa sớm về cúng lễ cơm mới.

Tháng mười:

- Thu lúa mùa giữa (không phải lúa sớm, không phải lúa muộn)

Tháng một:

- Thu hoạch toàn bộ lúa nương
- Làm lễ nông nghiệp lớn.

Tháng Chạp:

- Thu hoạch lúa ruộng.

Khi viết về người Dao các tác giả của tác phẩm *Người Dao ở Việt Nam* cũng mô tả nông lịch của các nhóm Dao sống chủ yếu bằng canh tác nương rẫy (6: 67 - 68 - 69). Đây là loại hình sản xuất nông nghiệp phổ biến ở hầu khắp các nhóm Dao: Dao Đeo tiền, Dao Thanh y, Dao Áo dài, Dao Cóc ngáng, Dao Lô gang, Dao Cóc mùn. Họ cũng đã tạo cho mình một nông lịch sinh hoạt trong năm, qua đúc kết những kinh nghiệm và thói quen mà dần dần trở thành truyền thống. Nông lịch của một số nhóm Dao sống ở vùng giữa này cũng tương tự như cách tính nông lịch của nhóm Khơmú.

Theo quan niệm của người Khơmú cũng như một số nhóm Dao, nông lịch là thời gian được gọi là các tháng cũng tức là tương ứng với một khâu thao tác chính trong sinh hoạt nương rẫy, cũng như kết hợp với các công việc khác trong đời sống gia đình và cộng đồng như cúng tế, lễ hội hay sửa sang, dựng lại nhà cửa.

Cách tính nông lịch của các tộc người này vừa đảm bảo cho các giai đoạn cần thiết trong một chu kỳ sản xuất nương rẫy, lại rất khớp với sự biến đổi của khí hậu trong vùng theo từng tháng, từng vụ.

3. Chọn đất

Việc chọn đất làm nương là một vấn đề rất hệ trọng đối với người Khơ Mú.

Bắt tay vào thu hoạch lúa mùa, người Khơ Mú đã bàn bạc với nhau việc chọn đất làm nương rẫy cho mùa năm sau. Họ hiểu rất rõ những địa bàn rừng rú xung quanh khu vực cư trú của mình, nhớ kỹ những vùng nào là rừng cấm (vì lý do tôn giáo hay rừng đầu nguồn những khu dành cho chăn nuôi gia súc). Theo kinh nghiệm dân gian của người Khơmú, đất tốt nhất cho việc trồng trọt nương rẫy là loại đất ở các khu rừng già trên sườn núi có độ cao 30^0 nằm phơi mình dưới ánh nắng, có lớp mùn dầy tới 5 - 8 cm, đây là loại đất người Khơmú cho là tốt nhất đối với việc canh tác nương rẫy.

Việc chọn đất thường vào tháng hai, tháng ba theo nông lịch Khơmú. Những chủ dòng họ, chủ gia đình trong bản mới được đi chọn đất. Họ thường xem xét rất kỹ khu rừng định chọn, xem mặt đất có phẳng hay nhiều đá, hay hang hốc, họ còn nếm xem vị mặn của đất, bóp đất để xét độ dính, khi họ thật ưng ý thì đánh dấu lại để khẳng định quyền chiếm hữu của mình.

Với các nhóm Dao, việc chọn đất rừng làm nương cũng được coi là một khâu rất quan trọng. Đám đất mà họ chọn thường là rừng già, có nhiều lá mục, đất mầu mỡ, loại đất này có thể khai thác làm nương được tới bốn, năm năm. Rừng nứa cũng là loại rừng được người Dao ưa chuộng vì đó là loại rừng khi đốt xong sẽ cho lượng tro nhiều.

Loại rừng đã được khai thác lại một vài lần, người Dao vẫn sử dụng để trồng khoai, sắn, bông.

4. Giống cây trồng

Về vấn đề này, GS Đặng Nghiêm Vạn cũng đã mô tả việc chọn giống và tra hạt của người Khơmú (4: 51 - 52). Họ đã tích luỹ được bộ sưu tập về giống cây trồng khá phong phú:

Cây lương thực:

Có nhiều loại lúa nương, có loại gieo thẳng không cần mạ.

- *Khẩu cáy nọi* : loại lúa cổ nhất, dễ trồng, ít phải chăm sóc lại cho năng suất cao.

- *Chón chon* là loại lúa cho năng suất cao nhất. Ngoài ra còn có hàng loạt giống lúa nương khác được người Khơmú rất ưa chuộng như *bom pua, đanh chít, đanh chong, sam bươn* (lúa ba giăng), *lo lớ, slăng, saypu, cáy lan, lường phửng*. Tuỳ theo từng loại nương mà người Khơmú chọn xem sẽ trồng loại nào, hoặc cây gì, củ gì. Ví dụ: nương mới và tốt họ trồng lúa, rồi đến ngô, khoai sắn. Nương đã kiệt mầu họ mới trồng ý dĩ, mạch ba góc.

Cây lương thực phụ:

Cây lúa nương là cây lương thực chính của người Khơmú, ngoài ra họ còn có nhiều giống cây lương thực phụ có năng suất cao và cung cấp nguồn lương thực khá quan trọng như khoai sọ, khoai lang, sắn và các loại họ đậu, ý dĩ, kê, lúa miến, vừng, lạc...

Rau quả:

Tập đoàn cây rau, quả trồng xen canh trên nương của người Khơmú cũng rất đa dạng như bầu bí, đậu, các loại rau, dưa, cà, tỏi, ớt.

Cây trồng có tính chất nghi lễ:

Đây là những giống cây rất cổ xưa nhưng vẫn duy trì để phục vụ cho nghi lễ nông nghiệp như: củ mài, khoai sọ.

Người Khơmú ở Kỳ Sơn, Nghệ An có tập đoàn cây trồng khá phong phú: các loại cây lương thực với nhiều giống lúa như lúa nếp, có loại rất ngon (*ngọ lăm pua*), lúa tẻ (*ngọ trao thày, ngọ trao dén*); cây lương thực phụ gồm nhiều loại ngô: nếp, tẻ, có cả giống ngô (*slimẹo*) của người Hmông, hay sắn (*quaisơsong*) là loại có giống của người Khơmú ngon, nhưng củ bé, lâu thu hoạch. Họ trồng nhiều loại khoai vàng, trắng... và đặc biệt quan tâm đến việc trồng các loại củ rừng để làm đồ cúng tế (4: 122 - 123).

Trong cùng một khu vực rẻo giữa nhưng cách lựa chọn giống cây trồng của người Dao lại có tính đặc thù: họ chú ý đến việc chọn giống lúa trong khi đang gặt trên nương, những cum thóc giống được chọn ở nơi lúa tốt, bông dài, hạt mẩy được họ cắt riêng và đem về phơi để trên gác (6: 77, 79, 80). Với cây lương thực phụ, người Dao lựa chọn các loại khoai (*mằn càn*) như khoai từ cho năng suất rất cao để phòng khi đói. Họ còn hay trồng các loại cây rừng có bột như cây móc, cây báng, cây đao, có giá trị kinh tế cao như quế, hồi, trẩu. Ngày nay các loại cây có giá trị kinh tế được phát triển ở một số nơi. Vùng Văn Yên (Yên Bái) đã trở thành giầu có nhờ phát triển cây quế.

5. Công cụ sản xuất

Công cụ sản xuất của người Khơmú là những công cụ chưa có trình độ cao, nhưng hữu hiệu với lối canh tác nương rẫy của họ. Người Khơmú không tự rèn được công cụ lao động mà họ phải mua của các dân tộc khác như của người Hmông, người Kinh.

Công cụ chính trong lao động của người Khơmú là cái rìu, con dao bằng sắt và chiếc gậy chọc lỗ để gieo hạt.

Chiếc gậy chọc lỗ (chề lề) gồm 2 loại: Loại đơn giản: làm bằng tre hoặc gỗ, đầu vót nhọn, dài 1,5 - 2m, đường kính 3 - 4 cm, dùng một vụ rồi bỏ. Loại thứ hai: đầu tra sắt dùng nhiều vụ, chỉ thay cán, còn lưỡi sắt mang cất đi (4: 21). Nhiều nhà dân tộc học cho rằng cây gậy chọc lỗ lưỡi sắt không phải là công cụ truyền thống của người Khơmú, mà học tập theo người Thái?

Chiếc gậy chọc lỗ là công cụ lao động được chuyên môn hoá, sử dụng nhiều việc. Gậy chọc lỗ được người Khơmú chế tạo dài từ 1,80 đến 2m, đẽo gọt, vót nhọn ở đầu dễ sử dụng, có độ nặng thích hợp cho người sử dụng, có loại được bịt sắt ở đầu, có loại lắp nhạc cụ ở đầu gậy

Loại gậy có nhạc cụ: thường được chế tạo công phu hơn: dài 5 m, một phần đầu nhọn làm bằng gỗ cứng; phần thứ hai làm bằng thân tre; phần thứ ba lắp một nhạc cụ đơn giản trên đầu cán. Người sử dụng gậy chọc lỗ này cần sự khéo léo, như vừa múa theo điệu "*tăng bua*" - đây là một điệu múa dân gian khá nổi tiếng của người Khơmú, âm thanh từ công cụ phát ra sẽ làm nhịp điệu rất nhịp nhàng hấp dẫn. Những lỗ gieo hạt được chiếc gậy tạo nên có độ sâu tới 4 - 5 cm.

Công cụ thu hoạch: kỹ thuật gặt hái của người Khơmú giản đơn, chủ yếu tuốt bằng tay. Họ dùng hai chiếc đũa kẹp lại để tuốt mà ít dùng "*ăn nhíp*". Đây là một điều rất khác biệt với nhiều dân tộc miền Đông Nam Á, nhất là vùng Đông Dương và Inđônesia.

Khi miêu tả về công cụ sản xuất của người Dao, các tác giả của tác phẩm *Người Dao ở Việt Nam* cho rằng con dao là công cụ vạn năng của họ trong lao động: dao dựa: để phát rừng có cắm thêm chuôi gỗ dài 20- 30 cm; dao quắm: phát nương dốc, có mũi uốn cong như mỏ vẹt. Họ còn có các loại rìu: rìu có "quả" và "thủ" cán bằng gỗ, rìu có cán tre tra

ngay trên thân, để chặt cây to. Người Dao cũng sử dụng cây chọc lỗ tra hạt. Người Dao (Quần Chẹt) làm những gậy chọc lỗ dài tới 4 - 5 cm, đầu vót nhọn vát 38 - 39^0, cũng có loại mũi nhọn bằng sắt, gang. Ngoài ra người Dao còn dùng cuốc bướm, cuốc bàn nạo để tra hạt (6: 80 - 82).

Công cụ gặt lúa của hạt Dao là cái "nhíp", được tạo gọt thành các hình con chim, con bướm rất xinh đẹp. Nhíp dài khoảng 6 - 7 cm, rộng 4 - 5 cm, có lưỡi thép sắc dài 3 cm. Chiếc nhíp đem lại năng suất lao động khá cao, có thể thu tới 140 kg - 160 kg thóc một ngày. Người Dao gánh những cum thóc về nhà bằng đòn xóc rất tiện lợi vì đường núi cao phải qua dốc đèo.

6. Kỹ thuật canh tác

Chọn đất làm nương là khâu quan trọng trong kỹ thuật canh tác. Người Khơmú có cách thử nghiệm bằng tay, hoặc quan sát để chọn đất, chọn rừng làm nương. Đối với các nhóm người Dao cũng vậy, những kinh nghiệm chọn đất, chọn rừng làm rẫy đã trở thành 1 việc quyết định cho sự thành bại của nương rẫy.

Phát nương:

Việc phát nương được người Khơmú tiến hành rất hợp lý. Họ phát cây rừng từ chỗ thấp lên chỗ cao, đàn ông thì chặt cây to, phụ nữ theo sau phát những dây leo, cây nhỏ. Với cây quá to người ta khoanh, cắt vỏ cho cây chết dần.

Đốt nương:

Sau 2 tháng phát cây để cho khô, người Khơmú đốt nương theo cách: họ lựa theo chiều gió để châm lửa đốt, phát một khoảng đất trống xung quanh chỗ đốt nương để đề phòng lửa cháy tràn lan. Khi đốt xong họ dọn nương, gom các cành cây chưa cháy hết để đốt tiếp.

Chuẩn bị đất:

Người Dao khai phá nương khá công phu. Với mảnh đất đã chọn, khi cỏ mới ra hoa họ đã phát, đốt, dọn để triệt các giống cỏ, từ tháng 7 năm nay tới tháng 1 năm sau họ cày, bừa để diệt cỏ.Trước lúc tra lúa họ lại cày bừa lại. Như vậy mảnh đất được ải kỹ và cỏ cũng bị diệt. Người Dao cũng đã biết sử dụng nhiều loại cày chìa vôi cổ truyền, khi cày mương họ có cách cày vòng theo sườn dốc, cày từ đầu nương đến chân nương để đất không bị dồn xuống chân nương.

Cách thức gieo trồng:

Người Khơmú rất thạo việc xen canh gối vụ, vừa biết tiết kiệm đất, lại giữ được lớp đất xốp không bị xói mòn. Ngoài lúa nương, họ còn trồng xen các loại củ như khoai sọ, các loại rau xen kẽ với lúa và ngũ cốc. Người Dao khi tra lúa nương thì đàn ông cày luống, đàn bà, trẻ em theo sau bỏ phân để gieo hạt, chỗ nương quá dốc họ dùng cuốc, cuốc từng hốc để tra lúa. Cách làm này có tác dụng tốt khi mưa phân tro, lúa không bị trôi đi. Kỹ thuật xen canh gối vụ và luân canh ở người Dao cũng được nhân dân rất coi trọng, dù trồng cây

lương thực chính là lúa, ngô, nhưng các loại kê, mạch, khoai sọ, khoai lang...đều được trồng xen canh. Trước khi gieo trồng ngô họ biết cách ngâm hạt, ủ mầm rất kỹ lưỡng.

Người Dao đỏ có kỹ thuật xen canh các loại rau, dưa, bầu bí với cây ngô. Họ ưa thích trồng cây đỗ tương, đỗ trắng, đỗ nho nhe xen với ngô. Việc làm này đem lại năng suất cao, vì cây họ đậu đã cải tạo đất rất tốt. Ví dụ: ở Bảo Lạc, Cao Bằng, sau vụ xen canh đỗ với ngô năng suất ngô năm sau tăng lên đáng kể.

Chăm sóc cây trồng:

Với người Khơmú việc chăm sóc nương rẫy rất được coi trọng. Ngay từ khi bắt đầu gieo trồng họ đã dựng lều để xua duổi chim chóc, dùng các loại mõ bù nhìn, bẫy để đuổi thú phá hoại nương.

7. Các nghi lễ liên qua đến canh tác nương rẫy

Người Khơmú, cũng như người Dao, có nhiều nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp, đến quá trình lao động, để cầu xin các lực lượng siêu nhiên bảo vệ cho thành quả lao động của mình, cho cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Nghi lễ cầu mưa:

Nương rẫy hạn hán là nỗi lo sợ nhất của nhiều cư dân vùng miền núi. Gặp trường hợp này người Khơmú làm các nghi lễ như bắt chước diễn lại mưa rơi, vẩy nước, tuốt lá để xin mưa xuống, để nương lúa khỏi bị khô hạn.

Nghi lễ gieo hạt:

Người Dao tin vào ma nương. Để làm lễ cho ngày bắt đầu tra lúa, chủ nhà luộc gà, nấu xôi rượu. Họ làm lễ trên nương, kê mâm trên hòn đá. Họ cầu các thần nương, thần thổ địa, thần nông cho họ mùa màng tươi tốt.

Sau khi tra nương xong, chủ nhà đem lúa vãi quanh lều nương. Sau này khi đi thăm nương họ nhớ rót rượu, nước chè để tỏ lòng tôn kính các thần linh. Bất cứ nhóm Dao nào cũng có tục lệ cắm nêu sau khi gieo hạt, cây nêu sẽ báo hiệu cho các thần linh biết đám nương đã được gieo hạt. Nêu có thể là cây vầu, nứa buộc mẩu gỗ, hòn đá để cầu mong lúa nhiều bông chắc hạt.

Nghi lễ chăm sóc lúa:

Người Dao làm lễ cúng nương khi bắt đầu làm cỏ đợt 1. Ở nhóm Dao Áo dài, họ dùng cây mía có cả rễ và một cây nứa có cắm cây lau. Họ lập đàn cúng gia tiên, thần nương cầu mong bảo vệ nương lúa, không bị sâu bọ và thú rừng phá hại. Lễ cúng vào dịp lập thu để đuổi ma không về phá mùa màng.

Nghi lễ cúng hồn lúa:

Đây là nghi lễ độc đáo của nhóm Khơmú, họ quan niệm khoai sọ, bầu bí sinh ra trước "hồn lúa". "Hồn lúa" muốn sinh sôi phải được tiếp sức bằng những tinh linh của khoai sọ, bầu bí - lúa là yếu tố cái - khoai sọ là yếu tố đực.

Họ phải trồng một vài khóm khoai sọ cạnh lều nương, được coi là chỗ linh thiêng trên nương. Khi rước lúa về nhà, phải rước cả khoai sọ, bầu bí. Trong lễ rước hoa mầu (*magro*) rước củ, người Khơmú bôi bí, khoai sọ vào người, vào tóc để lấy may, cầu cho khoai sọ và lúa kết họ, tăng thêm tinh lực cho lúa (5: 53).

Ở các đám nương, trên đỉnh nương người Khơmú gieo 1 đám lúa cẩm, đây là loại lúa cổ xưa, người ta tin hồn lúa của nương trú ngụ ở đó (5: 70).

Người Dao cũng có tục lệ cúng hồn lúa. Lễ này thường tổ chức vào lúc thu hoạch lúa. Ngày gặt đầu tiên, người chủ nhà đến nương trước tất cả mọi người, đem theo một ống nứa, niệm thần chú và nhặt mỗi nơi vài bông bỏ vào đó tức là đã thu hồn lúa vào, lấy hòn đá mỏng đậy lại, cất vào lều cúng. Lúc gặt xong, họ đem ống nứa buộc ghép vào cum thóc. Cuối cùng đem về nhà, cum thóc đó được đặt lên bàn thờ tổ tiên để tối đó họ sẽ làm lễ cúng hồn luá. Họ tin rằng làm như vậy các hồn lúa đã được con người chăm sóc, vụ sau lúa sẽ tốt hơn.

Đồng bào thường làm bánh dày bằng cum lúa cúng dó để mọi người trong nhà sẽ khoẻ mạnh. Người ngoài gia đình không được ăn loại bánh này.

Nghi lễ thờ công cụ:

Người Khơmú có tục lệ sau khi tra hạt về họ cất mũ sắt của cây gậy chọc lỗ vào 1 chỗ thờ thiêng trong nhà để dùng trong mùa sau.

Người Dao cũng có ý thức coi công cụ như vật thiêng để thờ cúng. Họ không dùng đằng ngọn của cây gậy để chọc lỗ.Tra hạt xong không được đem đun cây gậy chọc lỗ đó, lúa sẽ bị khô héo. Họ thường cất cây gậy chọc lỗ cất vào chỗ râm mát, hay khe suối với ý nghĩa mong mưa gió và bảo vệ hoa mầu. Người Dao Thanh y khi tra nương xong, dùng các gậy chọc lỗ cắm ở đầu hàng lúa nương, hướng mặt trời mọc thành hình chữ nhật để cầu mong cho lúa cứng cáp, tốt tươi, ngăn cản thú rừng phá hoại.

Nghi lễ thu hoạch

Người Khơ mú có rất nhiều nghi lễ trong khi thu hoạch, xoay quanh việc làm lễ cúng "hồn lúa" và lễ của "lúa mẹ". Đặc biệt họ suy tôn người phụ nữ chủ nhà sẽ là người có "hồn"của "lúa mẹ". Người phụ nữ đó phải thực hiện các nghi lễ để cúng hồn lúa, phải kiêng kị và giữ gìn trong những ngày thu hoạch.

Người Dao coi lễ cúng "hồn lúa" và lễ cúng "cơm mới" là rất quan trọng, nó có ý nghĩa tạ ơn thánh thần, tổ tiên đã phù hộ cho mùa màng của họ tươi tốt. Trong lễ này họ phải giã gạo từ lúa đầu lùa mới gặt về để thổi cơm, đồ cúng phải có thịt, cá, rượu và bát canh có bí, bàu, rau cải. Chủ nhà phải đứng ra cúng lễ, cầu xin nghiêm trang trước bàn thờ tổ tiên,

cúng xong mọi người cùng ăn uống vui vẻ, chủ nhà ăn trước mỗi bát một miếng, ăn xong phải để thừa lại một ít và không rửa bát.

II. MỘT VÀI NHẬN XÉT

Những kinh nghiệm dân gian trong canh tác nương rẫy của một số cư dân vùng rẻo giữa miền núi phía bắc Việt Nam chính là di sản văn hoá của họ thể hiện qua phương thức canh tác truyền thống. Một trong những biểu hiện là cách tính nông lịch của người Khơmú và một số nhóm Dao. Nhìn dưới góc độ của tri thức tộc người chúng ta phải ghi nhận đó là một khía cạnh của tiến bộ, nó khẳng định giá trị của tộc người đó trong quá trình phát triển. Kinh nghiệm chọn đất làm nương là công việc hệ trọng đối với người dân địa phương quyết định tới năng suất canh tác của họ. Đặc biệt, phải kể đến những kinh nghiệm truyền thống của đồng bào trong việc bảo vệ rừng như đối với các khu rừng ở đầu nguồn, rừng cấm vì lý do tôn giáo...

Trong lĩnh vực chọn lọc giống cây trồng, đồng bào ở vùng rẻo giữa miền núi phía Bắc cũng có nhiều kinh nghiệm đáng quý. Qua lựa chọn lâu đời họ đã có được một tập đoàn giống cây thích hợp với thổ nhưỡng, khí hậu vùng này, góp phần ổn định đời sống của đồng bào. Từ ý nghĩa đó, chúng ta cũng khẳng định giá trị của các giống cây trồng ấy như một vốn quý của văn hoá tộc người. Trong canh tác công cụ lao động là một biểu hiện của trình độ phát triển sản xuất, cũng là tiêu chí để đánh giá sự tiến bộ của tộc người. Ở đây chúng ta ghi nhận sự sáng tạo của người Khơmú qua chiếc gậy chọc lỗ gieo hạt có nhạc cụ, vừa hiệu quả trong sản xuất vừa thể hiện sinh động nét văn hoá độc đáo của tộc người này. Khi đánh giá về loại hình công cụ này nhiều nhà khoa học cho rằng đây là loại công cụ tốt, ít làm xói mòn đất trồng và thích nghi sử dụng ở địa bàn đất dốc tạo năng suất lao động cao.

Bên cạnh các vấn đề đã nêu ở trên, việc nghiên cứu, tìm hiểu các nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp là khía cạnh rất đáng quan tâm. Qua các nghi lễ của đồng bào, đồng thời cũng biểu hiện sinh động cuộc sống tâm linh của của họ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Khổng Diễn (chủ biên): *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía bắc*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1996.
2. Bế Viết Đẳng (chủ biên): *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1996.
3. Khổng Diễn: *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1995.
4. Phạm Quang Hoan (chủ biên): *Đặc trưng văn hoá các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995.
5. Đặng Nghiêm Vạn - Nguyễn Trúc Bình - Thanh Thiên...: *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1972.
6. Bế Viết Đẳng - Nguyễn Khắc Tụng... *Người Dao ở Việt Nam*.